

CHỌN CÂU ĐÚNG NHẤT

Câu 1: Bệnh nhân được chỉ định thở oxy qua sonde mũi, liều oxy 6l/p. FiO2 dự tính đạt được là

- ☐ A. 34%
- ☒ B. 44%
- ☐ C. 54%
- ☐ D. 64%

Câu 2: Các biến hiện trên CT scan ngực của giãn phế quản:

- ☒ A. Dẫn lòng phế quản lớn hơn 1,5 lần mạch máu kề cận ✓
- ☐ B. Các hình sáng thành mỏng hơn và cách xa khí đạo >
- ☐ C. Có hiện tượng tăng dần khâu kính phế quản khi vào trung tâm >
- ☐ D. Thấy được phế quản ở cách thành ngực 3cm >

Câu 3: Các bệnh đi kèm phổ biến trong bệnh: phổi tắc nghẽn mạn tính là những bệnh sau đây, NGOẠI TRỪ:

- ☐ A. Rối loạn chuyển hóa lipide máu ✓
- ☐ B. Đái tháo đường ✓
- ☒ C. Thuyên tắc phổi
- ☐ D. Tăng huyết áp ✓

Câu 4: Định nghĩa suy hô hấp

- ☐ A. Cơ quan hô hấp mất khả năng đào thải CO2 khỏi cơ thể
- ☐ B. Cơ quan hô hấp mất khả năng thu nhận O2 vào cơ thể
- ☒ C. Cơ quan hô hấp không bảo đảm chức năng cung cấp oxy và đào thải CO2 theo nhu cầu cơ thể
- ☐ D. Cả 3 đúng

Câu 5: Các xét nghiệm sau nên được chỉ định khi tiếp cận ban đầu một bệnh nhân giãn phế quản có sốt, NGOẠI TRỪ:

- ☒ A. Cây nước tiểu tìm kháng nguyên Streptococcus pneumonia
- ☐ B. Cây vi trùng + kháng sinh đồ
- ☐ C. Cây nấm
- ☐ D. Cây lao

Câu 6: Nguy cơ bị viêm phổi thở máy/viêm phổi bệnh viện do tụ cầu kháng methicillin theo IDSA-ATS 2016

- A. Viêm phổi xảy ra sau 4 ngày nằm viện
- ☒ B. Điều trị kháng sinh trong 90 ngày qua
- C. ARDS trực khi bị viêm phổi
- D. Cả 3 đúng

☒ Câu 7: Nguyên tắc điều trị oxy có kiểm soát trong suy hô hấp tăng CO₂

- A. Cho oxy liều thấp và tăng dần theo đáp ứng bệnh nhân căn cứ vào khí máu
- B. Cho oxy liều cao để tránh giảm oxy mô nguy hiểm tính mạng
- C. A và B đúng
- D. Cho oxy liều cao và chỉnh liều thấp dần căn cứ và khí máu

Câu 8: Các triệu chứng gợi ý Hội chứng ngừng thở khi ngủ:

- ☒ A. Khò thở, thở khô khè
- B. Mệt mỏi, ngủ gật vào ban ngày.
- C. Ngừng thở hoặc thở gấp trong khi ngủ.
- D. Mất tập trung.

Câu 9: Các thuốc sau đây được sử dụng điều trị ngừa cơn hen, NGOẠI TRỪ:

- A. ICS
- B. LT modifiers
- ☒ C. Magnesium sulphate
- D. Theophylline liều thấp

Câu 10: Hội chứng tắc tĩnh mạch chủ trên JVP GIỜNG có đặc điểm sau

- A. Tĩnh mạch cổ nổi
- B. Phù cổ mặt và chi trên
- ☒ C. Tuần hoàn bàng hệ cửa chủ
- D. Dẫn mao mạch ở ngực

Câu 11: Một cậu bé 18 tuổi bị hen sử dụng Salbutamol một hoặc hai lần trong tháng qua. Anh ấy có thể chơi bóng đá tốt bằng cách sử dụng albuterol trước các cuộc chơi. Không bị thức giấc vào ban đêm do ho hay khó thở, và lần đo phế dung cuối cùng của bệnh nhân có FEV₁ / FVC là 88% (0,88). Điều trị hen suyễn bổ sung nào là thích hợp cho bệnh nhân này?

- A. Montelukast
- B. Salmeterol
- ☒ C. Không cần thêm thuốc
- D. Prednison

Câu 12: Thuốc nào sau đây có thể làm hen phế quản mất kiểm soát ?

- A. Furosemide
- ☒ B. Carvedilol
- C. Losartan
- D. Atorvastatin

Câu 13: Nguyên nhân bệnh phổi mô kẽ do hạt phổi môi trường và nghề nghiệp:

- A. Nhiễm amian phổi
- B. Bệnh phổi kim loại nặng
- C. Bụi phổi
- ☒ D. Tất cả trên đúng

Câu 14: Dẫn phế quản thứ phát sau nhiễm trùng, hiện nay thường gặp nhất tại Việt Nam là thứ phát sau

A. Ho gà

B. *Aspergillus species*

☒ C. Lao

D. *Mycobacterium non TB* (MOTT: *Mycobacterium other than tuberculosis*)

Câu 15: Một bệnh nhân bị hen suyễn nặng hơn khi tiếp xúc với mèo, hít phải mùi nồng của hóa chất, bị bệnh trào ngược dạ dày thực quản (GERD), nhiễm không khí lạnh và nhiễm trùng đường hô hấp trên. Khi điều trị cho người bệnh này, bên cạnh việc dùng thuốc - Một trong những chiến lược giáo dục BN nào sau đây có thể giúp ích cho bệnh nhân kiểm soát hen?

A. Sử dụng chất tẩy rửa để làm sạch phòng tắm mỗi tuần một lần ☒

B. Nền tắm rửa cho mèo hằng tháng ☒

☒ C. Choàng khăn, mang khẩu trang để che mũi và miệng trong những tháng mùa đông lạnh

D. Dùng thuốc điều trị GERD khi cần thiết cho các triệu chứng ☒

Câu 16: Một bệnh nhân có bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính thuộc nhóm D (GOLD IV) có thể có các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng nào sau đây?

A. $FEV_1/FVC < 70\%$, $FEV_1 < 30\%$ ☒

B. Suy hô hấp mạn và tâm phế mạn ☒

C. Sụt cân ☒

☒ D. Tất cả các triệu chứng nói trên

Câu 17: Giãn phế quản ưu thế ở thùy dưới thường do

A. Nhiễm *aspergillus* phế quản phổi dị ứng ☒

☒ B. Do dị vật

C. Bệnh xơ nang cystic fibrosis ☒

D. Lao phổi ☒

Câu 18: Bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (BFTNMT) có GOLD III, điểm mMRC = 1 và năm ngoài có 2 đợt kịch phát BFTNMT. BFTNMT của bệnh nhân ở nhóm nào theo phân loại ABCD - GOLD 2016?

A. Nhóm A

B. Nhóm B

☒ C. Nhóm C

D. Nhóm D

Câu 19: Các nguyên nhân thường gặp nhất của u trung thất trước, NGOẠI TRỪ:

A. Thymus

☒ B. Neuroma

C. Teratoma

D. Thyroid

Câu 20: Các biểu hiện trên X quang của dẫn phế quản biểu hiện nào có tính đặc hiệu cao nhất:

A. Các ổ viêm phổi

B. Các khí đạo dày và dẫn như hình nhẫn, hình đường ray

C. Xếp phổi dạng đĩa

☒ D. Hình phổi dơi

Câu 21: Hãy chọn phương thức điều trị thích hợp – loại ưu tiên 1 (first choice) cho bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính nhóm C theo GOLD 2016:

- ☒ A. SABA + LABA
- B. LAMA + Ức chế PDE-4
- ☒ C. ICS + LABA
- D. LABA + LAMA

Câu 22: Thuốc corticosteroid dạng hít được (ICS) chọn lựa làm thuốc ngừa cơn hen vì những tính chất nào sau đây?

- A. Giảm viêm đường thở
- B. Giảm tính đáp ứng đường thở với các kích thích đường hô hấp
- C. Cải thiện chức năng đường thở
- ☒ D. Tất cả các tính chất trên

Câu 23: Hình ảnh chụp cắt lớp vi tính độ phân giải cao trong bệnh phổi kẽ với tổn thương lưới có thể là các bệnh:

- A. Viêm phổi tổ chức hóa tắc nghẽn tiểu phế quản
- ☒ B. Xơ phổi kẽ tự phát
- C. Viêm phổi hít
- D. Bệnh tích protein phế nang

Câu 24: Nguy cơ cho oxy liều cao trên nhóm bệnh nhân suy hô hấp nhạy cảm oxy

- A. Tăng oxy nguy hiểm tính mạng
- ☒ B. Tăng CO₂ nguy hiểm tính mạng
- C. Viêm loét niêm mạc hô hấp
- D. Cả 3 đúng

Câu 25: Các mục tiêu điều trị dẫn phế quản

- A. Nhận diện đợt cấp và điều trị kháng sinh; vệ sinh phế quản
- B. Điều trị bệnh gốc
- C. Điều trị phẫu thuật những phân thùy, thùy tổn thương quá nặng nề làm nguồn gốc nhiễm trùng và ho máu
- ☒ D. Tất cả câu trên đúng

Câu 26: Chẩn đoán xác định dẫn phế quản thường nhất dựa vào

- A. Bệnh sử ho khạc đàm mạn, lượng nhiều, ba lớp kèm tiền sử mắc bệnh lao hoặc nhiễm trùng phổi nặng, nghe phổi có ran nổ 2 thì hít vô và thở ra
- B. X quang lồng ngực có hình đường ray hay hình túi
- ☒ C. Chụp cắt lớp lồng ngực thấy phế quản giãn lớn
- D. Chụp phế quản cản quang thấy phế quản giãn lớn

Câu 27: Các bệnh sau bệnh nào không nằm trong nhóm bệnh suy giảm miễn dịch gây dẫn phế quản

- A. Thiếu bẩm sinh IgG
- ☒ B. Lupus ban đỏ hệ thống
- ☒ C. Hóa trị
- D. Suy giảm miễn dịch mắc phải HIV/AIDS

Câu 28: Bệnh nhân nam 29 tuổi, hút thuốc lá 12 năm, 10 gói - năm. Đi khám bệnh vì ho 10 ngày nay sau cảm lạnh, bệnh nhân sợ bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Muốn tư vấn ngừa bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Lời khuyên nào sau đây của thầy thuốc là hợp lý?

- A. Sử dụng Ventolin MDI xịt khi bị ho
- B. Ngừng hút thuốc lá
- C. Sử dụng berodual khi bị ho
- D. Chích ngừa cúm và viêm phổi do phế cầu

Câu 29: Đặc điểm điển hình của ho đàm trong dân phế quản

- A. Nhiều (>100ml/24giờ)
- B. Có lớp thứ ba dưới cùng là bọt
- C. Có lớp thứ hai đặc đục như mù
- D. Có lớp trên cùng là nước

Câu 30: Xét nghiệm máu cần làm ở bệnh phổi kẽ là:

- A. Các xét nghiệm tìm các bệnh tự miễn
- B. HIV
- C. CK, AST, ALT, Creatinin
- D. Tất cả trên đúng

Câu 31: Theophylline là thuốc điều trị dân phế quản trong bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính liều thấp theo cơ chế nào sau :

- A. Cơ chế chưa rõ ràng
- B. Cường giao cảm β_2
- C. Anticholinergic
- D. Tác động lên các cytokine IL4

Câu 32: Các triệu chứng hội chứng nào sau đây không liên quan đến hội chứng trung thất

- A. Nuốt nghẹn
- B. Nấc cục
- C. Ngón tay dùi trống
- D. Tràn dịch màng phổi dưỡng trấp

Câu 33: Triệu chứng / hay dấu hiệu nào sau đây báo hiệu cơn hen kịch phát nặng ?

- A. Nghẹt mũi
- B. Ran rít
- C. Thở Khò khè
- D. Xanh tím

Câu 34: Dấu hiệu phân biệt giữa áp xe phổi và tràn dịch-tràn khí màng phổi

- A. Đường kính mực nước hơi trên phim thẳng và nghiêng bằng nhau hướng tới tràn dịch tràn khí màng phổi
- B. Đường kính mực nước hơi trên phim thẳng và nghiêng bằng nhau hướng tới áp xe phổi.
- C. Đường kính mực nước hơi trên phim thẳng và nghiêng không bằng nhau hướng tới áp xe phổi.
- D. A và B đúng

Câu 35: Trong điều trị nội khoa bệnh nhân Hội chứng ngừng thở khi ngủ, sử dụng thiết bị trong miệng:

- A. Được lựa chọn điều trị ở các bệnh nhân mắc bệnh ở giai đoạn nhẹ và vừa.
- B. Là biện pháp điều trị hiệu quả cho tất cả bệnh nhân ngừng thở khi ngủ.
- C. Là biện pháp điều trị hiệu quả ở các trường hợp bệnh nhân có hàm dưới nhỏ và đưa ra sau.
- D. Tác dụng: giữ hàm dưới và lưỡi ra phía trước, giữ vòm hầu lên trên như vậy ngăn cản sự đóng lại của đường thở.

Câu 36: Các biến chứng trong Hội chứng ngừng thở khi ngủ gồm:

- A. Nguy cơ tim mạch.
- B. Giảm chất lượng cuộc sống: giảm trí nhớ, mất tập trung, mệt mỏi kéo dài, đau kinh...
- C. Bệnh nhân thường ngủ gật, có nguy cơ tai nạn xe cộ cao.
- D. Tăng nguy cơ Viêm phổi.

Câu 37: Kháng sinh chọn lựa trong viêm phổi bệnh viện do *K pneumoniae* sinh ESBL?

- A. Imipenem
- B. Piperacillin
- C. Linezolid
- D. Vancomycin

Câu 38: Khi quan sát lồng ngực dưới màng tăng sáng, tình trạng liệt cơ hoành phải có thể phát hiện nhờ

- A. Thấy cơ hoành phải di chuyển xuống dưới trong thì thở ra, cơ hoành trái di chuyển lên trên.
- B. Thấy lồng ngực nở ra không đều 2 bên.
- C. Thấy cơ hoành phải di chuyển xuống dưới trong thì thở ra, cơ hoành trái di chuyển lên trên.
- D. Thấy hai cơ hoành cùng di chuyển xuống dưới trong thì hít vào.

Câu 39: Dẫn phế quản được nghi ngờ khi có:

- A. Thâm nhiễm khu trú lâu dài trên X quang.
- B. Rạn nổ 2 thì.
- C. Đàm nhầy mù mỗi ngày.
- D. Tất cả câu trên đúng.

Câu 40: Hội chứng ngừng thở khi ngủ là:

- A. Rối loạn bởi sự ngừng thở từng lúc khi ngủ trong thời gian từ 20 giây trở lên.
- B. Sau đó động tác hô hấp hoạt động trở lại bình thường phối hợp với sự thức dậy ngắn.
- C. Rối loạn bởi sự ngừng thở từng lúc khi ngủ trong thời gian từ 10 giây trở lên.
- D. Dẫn đến giảm nồng độ oxy trong máu.

Câu 41: Các triệu chứng ngoài phổi có thể có của bệnh phổi mô kẽ là:

- A. Sốt.
- B. Da nhạy cảm với ánh sáng.
- C. Đau cơ, xương, đau khớp.
- D. Tất cả trên đúng.

Câu 42: Bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phân nhóm bệnh dựa theo các tiêu chí sau đây, NGOẠI TRỪ

- A. Số lần nhập viện trong vòng 5 năm
- B. Mức độ khó thở theo phân độ mMRC
- C. Số cơn kịch phát trong năm trước
- D. FEV1

Câu 43: Trong Hội chứng ngừng thở khi ngủ, thể ngừng thở tắc nghẽn:

- A. Thường gặp nhất
- B. Biểu hiện bằng sự ngừng luồng khí thở do tắc nghẽn đường hô hấp trên
- C. Không có cử động ngực - bụng
- D. Có duy trì các cử động ngực - bụng

Câu 44: Thuốc nào sau đây được chỉ định thuộc hàng thứ 3 cho các nhóm bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (phân chia theo GOLD 2016)?

- A. Roflumilast
- B. Albuterol
- C. Theophylline
- D. Ipratropium

Câu 45: Bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính bị đợt cấp của bệnh, vào năm đơn vị săn sóc đặc biệt khi có một trong các tình trạng sau đây, NGOẠI TRỪ:

- A. Khó thở nặng hơn, điều kiện phòng cấp cứu không đáp ứng đầy đủ
- B. Bệnh nhân bị viêm dạ dày có hội chứng trào ngược
- C. Tri giác lú lẫn, thở ngực bụng không đồng bộ
- D. Giảm oxy máu nặng $PaO_2 < 40 \text{ mmHg}$, $PaCO_2 > 65 \text{ mmHg}$, pH máu $< 7,26$

Câu 46: Trong hội chứng ngừng thở khi ngủ, phân loại mức độ nặng thường dựa vào chỉ số AHI (Apnea Hypoapnea Index).

- A. Mức độ rất nặng: chỉ số AHI trên 30 lần/giờ, khoảng thời gian xuất hiện độ bão hòa oxy dưới 90% chiếm trên 30% thời gian ngủ.
- B. Mức độ trung bình: chỉ số AHI từ 15 - 30 lần/giờ, khoảng thời gian xuất hiện độ bão hòa oxy mức dưới 90% chiếm 5 - 20% thời gian ngủ.
- C. Mức độ nặng: chỉ số AHI trên 30 lần/giờ, khoảng thời gian xuất hiện độ bão hòa oxy mức dưới 90% chiếm trên 20% thời gian ngủ.
- D. Mức độ nhẹ: chỉ số AHI từ 5 - 15 lần/giờ, khoảng thời gian xuất hiện độ bão hòa oxy dưới 90% chiếm ít hơn 5% thời gian ngủ.

Câu 47: Thở máy không xâm nhập thông khí áp lực dương với hệ thống hai áp lực (BiPAP - Bilevel positive airway pressure) ở bệnh nhân hội chứng ngừng thở tắc nghẽn khi ngủ:

- A. Không có hiệu quả nhiều hơn so với sử dụng CPAP,
- B. Chỉ định trong trường hợp bệnh nhân không dung nạp CPAP
- C. Có hiệu quả tốt hơn nhiều so với sử dụng CPAP
- D. Chỉ định khi bệnh nhân khó thở ra hay đau ngực do căng phồng ngực quá mức.

Câu 48: Giảm thở là:

- A. Giảm lưu lượng khí lưu thông 25 - 50%.
- B. Hoàn toàn ngừng thở trong 10 giây
- C. Hoặc vì thức giấc
- D. Giảm độ bão hòa oxy ít nhất 4%

Câu 49: Trong bệnh phổi mô kẽ, Đo chức năng hô hấp thường gặp:

- A. Rối loạn thông khí hỗn hợp
- B. Rối loạn thông khí tắc nghẽn
- ☒ C. Rối loạn thông khí hạn chế
- D. Tất cả trên đúng

Câu 50: Chỉ định thở BiPAP trong suy hô hấp tăng CO₂

- A. pH < 7,45 và PaCO₂ > 45 mmHg
- ☒ B. pH < 7,35 và PaCO₂ > 45 mmHg
- C. pH < 7,25 và PaCO₂ > 45 mmHg
- D. pH < 7,45 và PaCO₂ > 50 mmHg

Câu 51: Kết quả của đa ký hô hấp khi ngủ hoặc đa ký giấc ngủ:

- ☒ A. Xuất hiện 5-10 lần/giờ hoặc ít hơn cơn ngừng/giảm thở trong thời gian một giờ
- B. Xuất hiện 5-10 lần/giờ hoặc nhiều hơn cơn ngừng/giảm thở trong thời gian một giờ
- C. Số cơn ngừng/giảm thở khi ngủ trên 30 lần.
- D. Tất cả trên đúng

Câu 52: Nguyên nhân bệnh phổi mô kẽ do bệnh tổ chức liên kết:

- A. Viêm da cơ - viêm đa cơ
- B. Lupus ban đỏ hệ thống
- C. Xơ cứng bì
- ☒ D. Tất cả trên đúng

Câu 53: Lợi ích thở BiPAP trong suy hô hấp tăng CO₂

- A. Tránh đặt nội khí quản
- B. Giảm tử vong
- C. Giảm chi phí điều trị
- ☒ D. Cả 3 đúng

Câu 54: Bệnh phổi mô kẽ là:

- A. Bệnh thường lan tỏa, tổn thương không đồng nhất ✓
- B. Có biểu hiện lâm sàng, Xquang phổi gần tương tự nhau. ✓
- C. Bệnh phổi có tổn thương ở khoảng kẽ ở phổi ✓
- ☒ D. Tất cả trên đúng

Câu 55: Bệnh nhân nam 19 tuổi vào viện vì đau ngực trái. X quang ngực trung thất nở rộng. CT scan có u trung thất trước, trên, không liên tục lên trên, không vôi hóa:

- A. Neurinoma ✗
- B. U tuyến giáp ✗
- ☒ C. Lymphoma
- D. Teratoma ✗

Câu 56: Bệnh nhân nữ 48 tuổi nhập viện vì tức ngực. Bệnh nhân đang ăn cháo sườn thì cảm giác nghe nghi mặc xương. Khám thấy tràn khí dưới da vùng cổ. Nguyên nhân tràn khí dưới da nhiều khả năng nhất là:

- ☒ A. Thủng thực quản
- B. Tràn khí màng phổi tự phát nguyên nhân
- C. Tràn khí trung thất tự phát
- D. Nhiễm trùng sinh hơi vùng cổ

Câu 57: Giảm oxy máu nặng có nguy cơ giảm oxy mô khi

- A. $\text{PaO}_2 < 75 \text{ mmHg}$
- B. $\text{PaO}_2 < 65 \text{ mmHg}$
- C. $\text{PaO}_2 < 55 \text{ mmHg}$
- ☒ D. $\text{PaO}_2 < 45 \text{ mmHg}$

Câu 58: Bệnh nào sau đây thường gây suy hô hấp tăng CO_2

- ☒ A. Khí phế thũng
- B. Viêm phổi kẽ
- C. Viêm phế quản mạn
- D. A và C đúng

Câu 59: Các tiếp cận lâm sàng KHÔNG giúp chẩn đoán u trung thất

- A. Hồi kỹ bệnh sử
- B. Khám vận động khớp
- C. Khám bâu
- ☒ D. Dấu Pemberton khi bệnh nhân giơ cao tay

Câu 60: Nồng độ trung có hiệu quả của vancomycin trong điều trị MRSA hiện nay?

- A. 5-10 mg/l
- B. 10-15 mg/l
- ☒ C. 15-20 mg/l
- D. 20-25 mg/l

Câu 61: Chẩn đoán suy hô hấp giảm oxy là:

- ☒ A. Khi $\text{PaO}_2 < 60 \text{ mmHg}$
- B. Suy giảm chức năng cung cấp oxy và đào thải CO_2
- C. Suy giảm cung cấp oxy cho cơ thể
- D. A và B đúng

Câu 62: Các nguyên nhân thường gặp nhất của u trung thất giữa, TRỪ:

- ☒ A. U tuyến ức
- B. Lymphoma
- C. Hạch di căn ung thư
- D. Sarcoidosis

Câu 63: Khi bệnh nhân có giảm gamma-globulin máu, bệnh liên quan thường là:

- ☒ A. Bệnh phổi mô kẽ bạch mạch
- B. Bệnh tổ chức liên kết
- C. Bệnh sarcoidosis
- D. Bụi phổi

Câu 64: Bệnh nhân đợt cấp COPD nhập viện, được bác sĩ điều trị O_2 4 l/p. KMDM 1 giờ sau: pH 7,20, PaCO_2 70 mmHg, PaO_2 60 mmHg, HCO_3 26 mmHg. Bệnh nhân tỉnh. Xử trí?

- A. Theo dõi tiếp vì bệnh nhân ổn định không cần giám hay ngưng oxy
- B. Đặt nội khí quản vì CO_2 tăng cao và pH giảm nguy hiểm
- ☒ C. Thở BiPAP
- D. Giảm Liều O_2 vì oxy làm tăng CO_2 quá mức

Câu 65: Tiếp cận chẩn đoán u trung thất

- A. Triệu chứng lâm sàng gợi ý có chèn ép trung thất sớm ✓
- B. Các dấu ấn trong thất có thể giúp định hướng nguyên nhân trong một số trường hợp điển hình ✓
- C. Sinh thiết là cần thiết trong mọi trường hợp ✗
- D. Phải xác định nguyên nhân u trung thất trước mổ chắc chắn trong mọi trường hợp ✗

Câu 66: Kháng sinh lựa chọn thích hợp trong Viêm phổi bệnh viện do vi khuẩn sinh carbapenemase ?

- A. Imipenem + colistin ✓
- B. Meropenem + colistin ✓
- C. Ciprofloxacin + vancomycin
- D. A và B đúng

Câu 67: Bệnh nhân nữ 68 tuổi, nhập viện vì nuốt nghẹn. Bệnh nhân than có cảm giác nghẹn từ 3-4 tháng nay có khuynh hướng tăng dần. CT scan u trung thất trước liên tục lên trên:

- A. Lymphoma
- B. Teratoma
- C. U tuyến giáp
- D. Bướu tuyến ức

Câu 68: Khi bệnh nhân có tăng bạch cầu ái toan máu, bệnh liên quan thường là:

- A. Bệnh sarcoidosis
- B. Viêm phổi tăng bạch cầu ái toan
- C. Viêm mạch hệ thống
- D. Tất cả trên đúng

Câu 69: Một bệnh nhân nam 20 tuổi có chẩn đoán hen mức độ trung bình, dai dẳng đi tái khám ngoại chẩn. Người bệnh được kiểm soát hen tốt: trong 2 năm nay không có đợt kịch phát, hiện đang sử dụng fluticasone 220 mcg, 1 nhát xịt x 2 lần trong ngày, montelukast 10 mg ngày, và salbutamol khi cần. 3 tháng nay hen được kiểm soát tốt. Phương án điều trị nào sau đây được điều chỉnh cho bệnh nhân là phù hợp nhất ?

- A. Giảm liều montelukast
- B. Giảm liều fluticasone
- C. Chuyển fluticasone sang salmeterol
- D. Cắt thuốc salbutamol

Câu 70: Tế bào viêm nào sau đây sản xuất ra IgE đặc hiệu cho hen ?

- A. Tế bào nhiều chân
- B. Tương bào
- C. Tế bào lymphocyte TH2
- D. Tế bào biểu mô phế quản

Câu 71: Kháng sinh chọn lựa thích hợp cho viêm phổi cộng đồng nghi do vi khuẩn không điển hình ?

- A. Levofloxacin ✓
- B. Imipenem
- C. Vancomycin
- D. Amikacin

Câu 72: Kháng sinh chọn lựa cho viêm phổi thở máy/viêm phổi bệnh viện do tụ cầu kháng methicillin

- A. Linezolid, Teicoplanin, imipenem
- B. Linezolid, Teicoplanin, ticarcillin
- ☒ C. Linezolid, Teicoplanin, Vancomycin
- D. Piperacillin, Teicoplanin, Vancomycin

Câu 73: Phân biệt tràn dịch màng phổi (TDMP) phản ứng và TDMP biến chứng của viêm phổi dựa vào:

- A. Lượng dịch trong TDMP biến chứng thường nhiều, TDMP phản ứng thường ít
- B. Bạch cầu lympho trong TDMP phản ứng thường ít, TDMP biến chứng thường nhiều
- C. Có vi khuẩn trong dịch màng phổi
- ☒ D. A và C đúng

Câu 74: Yếu tố nguy cơ viêm phổi thở máy do vi khuẩn đa kháng kháng sinh theo IDSA-ATS 2016:

- A. Viêm phổi xảy ra sau 4 ngày nằm viện
- B. Điều trị kháng sinh trong 90 ngày qua
- C. ARDS trước khi bị viêm phổi
- ☒ D. B và C đúng

Câu 75: Các tế bào nào sau đây tham gia vào phản ứng viêm trong cơ chế bệnh sinh hen phế quản?

- A. Tế bào lymphocyte TH2
- B. Tế bào biểu mô phế quản
- C. Tế bào nhiều chân
- ☒ D. Tất cả các loại tế bào kể trên

Câu 76: Hãy chọn câu tường thuật đúng về chẩn đoán phân biệt Hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (BPTNMT)

- A. BPTNMT: chỉ khởi phát sớm - ở tuổi trẻ, ít hồi phục, có nhiều biến chứng ở phổi
- ☒ B. BPTNMT: khởi phát ở tuổi trung niên, khó thở khi gắng sức, diễn tiến nặng dần theo thời gian
- C. Hen thường khởi phát tuổi trung niên, triệu chứng thay đổi mỗi ngày
- D. Hen: ít khi liên quan tiền căn bệnh ở gia đình, tiếp xúc lâu dài với khói thuốc lá và dị ứng

Câu 77: Các yếu tố hay nguyên nhân sau đây làm khởi phát cơn hen phế quản, NGOẠI TRỪ:

- ☒ A. Sử dụng ICS
- B. Sử dụng thuốc ức chế β giao cảm như propranolol
- C. lạm dụng thuốc cường giao cảm tác dụng kéo dài LABA đơn lẻ
- D. Nhiễm khuẩn đường hô hấp trước đó

Câu 78: Các triệu chứng chính của bệnh phổi mô kẽ là:

- A. Sốt cao, lạnh run; thở khó tăng dần.
- B. Sốt cao, lạnh run; ho khạc đàm đục.
- C. Ho khạc đàm đục; đau ngực tăng dần; khó thở khi gắng sức.
- ☒ D. Ho thường ho khan; khó thở khi gắng sức, tăng dần.

Câu 79: Trong điều trị nội khoa bệnh nhân Hội chứng ngưng thở khi ngủ, bệnh nhân cần thay đổi hành vi:

- A. Giảm cân. Không uống rượu. ✓
- B. Tránh uống các chất kích thích (café) và tập thể dục vào ban đêm. ✓
- C. Tư thế nằm thẳng, gối thấp khi ngủ. ✓
- D. Tránh sử dụng thuốc ngủ, thuốc an thần, thuốc chống động kinh... vào ban đêm. ✓

Câu 80: Nguy cơ viêm phổi cộng đồng do *P aeruginosa* :

- A. Giãn phế quản
- B. Dùng corticoid kéo dài
- C. Ung thư
- D. Chỉ A và B đúng ✓

----- HẾT -----

